

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bản án số: 08/2025/KDTM-ST

Ngày: 23 - 9- 2025

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng.”

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch và ông Nguyễn Sinh Thành.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số: 03/2025/TLST- KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H(H3); địa chỉ: Số B Bis N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Nhật T1 - Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H - Chi nhánh Q1; địa chỉ: Số C T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty Cổ phần D; địa chỉ: thôn T, phường H, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc H, ông Lê Ngọc H1; địa chỉ: C T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, ông H1 có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Giám đốc; địa chỉ: Đ, thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn X, xã L, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H3) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đại diện Công ty Cổ phần D (viết tắt Công ty D) thống nhất trình bày:

Ngày 25/8/2023, Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ) đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15900/23MB/HĐTD để vay của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (viết tắt H3) Hạn mức cho vay không vượt quá 1.550.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 36 tháng (từ ngày 25/08/2023 đến ngày 25/08/2026). Khoản vay được giải ngân theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ: 15900/23MB/HĐTD/KUNN02 ngày 27/02/2024, số tiền giải ngân 1.550.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ 28/02/2024 đến ngày 27/08/2024. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng và xây dựng công trình. Phương thức trả nợ: Gốc trả khi đến hạn theo đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; lãi trả hàng tháng. Lãi suất vay: Được quy định theo nội dung của đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 15900/23MB/HĐTD/KUNN02 ngày 27/02/2024.

Nhằm đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 25/8/2023 bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn V đã ký với Ngân hàng H3 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho người khác số 15900/23MB/HĐBĐ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 05, tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 483032 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18/09/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T2, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 27/08/2024 đến nay Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Mặc dù, H3 đã nhiều lần liên hệ làm việc, yêu cầu trả nợ nhưng Công ty Trang Huy cũng như bà N (Chức vụ: Giám đốc đại diện) vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình, hiện khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức 15900/23MB/HĐTD và theo đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 15900/23MB/HĐTD/KUNN02 ngày 27/02/2024, số liệu tạm tính đến ngày 23/09/2025, Công ty Đ đã thanh toán tổng số tiền là 69.027.454 đồng. (trong đó nợ gốc là: 387.671 đồng, nợ lãi là: 68.639.783 đồng).

Đến ngày 26/12/2024, H3 đã bán toàn bộ khoản nợ và chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ của Công ty Đ cho Công ty Cổ phần D (viết tắt Công ty D) theo Hợp đồng mua bán nợ số 0694.12/2024/HĐMBN/HDB-HNV ngày 26/12/2024 và Công ty D đã ủy quyền cho Ngân hàng H3 theo Hợp đồng ủy quyền số 0694.12/2024/HDUQ/HDB-HNV ký ngày 26/12/2024 để thực hiện

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Công ty D liên quan đến khoản nợ của Công ty Đ. Tính đến ngày 23/09/2025, tổng số tiền mà Công ty Đ còn nợ Công ty D theo Hợp đồng tín dụng số 15900/23MB/HĐTD tổng số tiền 1.769.292.166 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.549.612.329 đồng; nợ lãi quá hạn: 219.679.837 đồng).

Vì vậy, để đảm bảo việc thu hồi nợ vay, H3 và Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty D, tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 23/09/2025 là: 1.769.292.166 đồng (trong đó: nợ gốc 1.549.612.329 đồng, nợ lãi quá hạn 219.679.837 đồng) và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các hợp đồng liên quan từ ngày 24/09/2025 đến ngày Công ty Đ thanh toán dứt điểm nợ.

Trường hợp, Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty D. Đề nghị cho Công ty D yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp tại H3 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 15900/23MB/HĐBĐ ngày 25/08/2023 và các Phụ lục kèm theo nếu có, được ký kết giữa ông V, bà T2 và H3 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo dùng để cản trừ nghĩa vụ trả nợ của Công ty Đ đối với Công ty D. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty Đ tại Công ty D thì ông V, bà T2 liên đới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay Công ty Đ bằng toàn bộ tài sản của ông V, bà T2.

Bị đơn Công ty TNHH Đ (viết tắt Công ty Đ):

Theo Công văn số 52/STC- ĐK ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Q (Nay là tỉnh Quảng Trị) cung cấp đối với Công ty Đ; MSDN: 3101112347; Đăng ký lần đầu ngày 04/01/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 04/08/2023; địa chỉ trụ sở chính: thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay xã N, tỉnh Quảng Trị); người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị N; Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký (BL 72).

Người Đại diện theo pháp luật Công ty Đ, bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn V nhiều lần để trình bày các nội dung liên quan đến vụ án, nhưng bà N và ông V đều vắng mặt. Tại công văn số 263/CV- QLXNC, ngày 20/01/2025 của Phòng Q2 Công an tỉnh (BL: 44) xác nhận bà Nguyễn Thị N đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 06/01/2025; ông Nguyễn Văn V đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 01/6/2024, hiện bà N, ông V chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Do không xác định được địa chỉ của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn V đang ở nước ngoài, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bà N và

ông V trước khi xuất cảnh, đăng tin trên kênh của Ban Đối Ngoại (VOV5) 03 số trong 03 ngày liên tiếp, nhưng không nhận được bất cứ ý kiến, yêu cầu gì từ bà N, ông V đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng H3 (BL 125).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2, tại Bản tự khai ngày 01/7/2025 trình bày (BL75):

Ngày 25/08/2023, Công ty Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 15900/23MB/HĐTD với Ngân hàng H3 để vay số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn*). Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên thì bà và ông Nguyễn Văn V đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 15900/23MB/HĐTC ngày 25/8/2023, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 05 ; địa chỉ : thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã C, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 483032 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18/09/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T2. Nay Ngân hàng H3 khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả nợ, bà yêu cầu Công ty Đ trả các khoản nợ nêu trên, nếu không trả được nợ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng H3 có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ. Ngày 30/5/2025, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 05, diện tích 200,0m², địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, về hình thể, hiện tích, kích thước các cạnh (có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Hiện trạng đất: trên thửa đất không có tài sản gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng H3 và người thừa kế quyền nghĩa vụ của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai không có lý do. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người thừa kế quyền nghĩa vụ của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ các Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Từ những phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự có mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H3 và người thừa kế quyền nghĩa vụ của nguyên đơn. Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của người thừa kế quyền nghĩa vụ của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng H3 với bị đơn Công ty Đ là tranh chấp hợp đồng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh, nên xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, đây là vụ án có đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại Công văn Ngày 20/01/2025 của Phòng Q2 Công an tỉnh (BL 44) xác nhận bà Nguyễn Thị N đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 06/01/2025 và xác nhận ông Nguyễn Văn V đã xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 01/06/2024. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Do không xác định được địa chỉ của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn V đang ở nước ngoài, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn V trước khi xuất cảnh và đã thông báo cho bà N, ông Vũ Q kênh phát thanh dành cho người nước ngoài của Đ1 (VOV5) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp về việc Ngân hàng H3 khởi kiện Công ty Đ, nhưng không nhận được lời khai, ý kiến tài liệu, chứng cứ của bà N và ông V đối với yêu cầu của Ngân hàng H3. Tòa án tiến hành mở phiên tòa ngày 03/9/2025, nhưng bà N, ông V, bà T2 đều vắng mặt không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét ý kiến yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng H3 và người thừa kế quyền và nghĩa vụ Công ty D, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 15900/23MB/HĐTD ngày 25/8/2023 được ký kết giữa Ngân hàng H3 và Công ty Đ có nội dung cụ thể về thời hạn vay, ngày giải ngân, ngày đáo hạn, lãi suất, lãi suất nợ quá hạn, lãi chậm trả, thời hạn trả lãi do người có thẩm quyền của hai bên ký kết, hình thức, nội dung tuân theo các quy định của pháp luật. Công ty Đ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp. Để vay vốn Ngân hàng, Công ty Đ đã có đề nghị giải ngân và Ngân hàng H3 đã giải ngân tiền vay cho Công ty Đ theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, tổng số tiền: 1.550.000.000 đồng. Công ty Đ đã nhận đủ số tiền vay. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng được Ngân hàng H3 ký kết với Công ty Đ có hiệu lực thi hành, các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện

quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại; các Điều 91, 94 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng H3 và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2025, với tổng số tiền 1.769.292.166 đồng (Trong đó: nợ gốc 1.549.612.329 đồng, lãi quá hạn 219.679.837 đồng). Vì vậy, Ngân hàng H3 (Công ty D) khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Đ phải thanh toán cho Ngân hàng H3 (Công ty D) số tiền nợ tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2025, với tổng số tiền 1.769.292.166 đồng (Trong đó: nợ gốc 1.549.612.329 đồng, lãi quá hạn 219.679.837 đồng) và thanh toán số tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Công ty Đ với Ngân hàng H3 từ ngày 24/9/2025 cho đến ngày Công ty Đ thanh toán xong khoản vay cho Ngân hàng H3 (Công ty D) là có căn cứ cần chấp nhận. Theo bảng tính lãi do đại diện của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (23/9/2025) Công ty Đ còn vay nợ Ngân hàng, tổng số tiền 1.769.292.166 đồng (Trong đó: nợ gốc 1.549.612.329 đồng, lãi quá hạn 219.679.837 đồng). Việc tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và không vượt quá quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho Công ty Đ của Ngân hàng H3 theo Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty Đ thì bên bảo lãnh ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay Công ty Đ bằng toàn bộ tài sản của ông V và bà N, thấy:

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 15900/23MB/HĐBĐ ngày 25/8/2023 được ký kết giữa bên thứ ba ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T2 với Ngân hàng H3 để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho Công ty Đ vay tiền tại Ngân hàng H3 theo Hợp đồng tín dụng mà Công ty Đ ký kết với Ngân hàng H3 do người có thẩm quyền của Ngân hàng H3 và người đủ năng lực hành vi dân sự của các bên ký kết. Khi ký kết các bên hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, hình thức, nội dung tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324 Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực thi hành, các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng để phát sinh nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng H3 (Công ty D) có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thế chấp theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 299, 301, 303, 304, 307 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của Ngân hàng H3 (Công ty D) là có căn cứ chấp nhận.

Xét Văn bản cam kết bảo lãnh được ký kết giữa bên bảo lãnh bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V với bên được bảo lãnh Công ty TNHH Đ ngày 25/8/2023 để bảo lãnh toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo lãnh với

Ngân hàng H3 (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi, phí, các khoản phải trả khác (nếu có)) theo Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, các cam kết khác của bên được bảo lãnh với H3 do người đủ năng lực hành vi dân sự ký kết, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực thi hành. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn H3 và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Công ty D về số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty Đ tại Công ty D thì ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay Công ty Đ bằng toàn bộ tài sản của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên. Có căn cứ xác định đến tại thời điểm hết ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2025 Công ty Đ còn vay nợ Ngân hàng H3 theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, tổng số tiền 1.769.292.166 đồng (Trong đó: nợ gốc 1.549.612.329 đồng, lãi quá hạn 219.679.837 đồng). Vì vậy, chấp nhận ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng H3 và người thừa kế quyền nghĩa vụ của nguyên đơn, đối với Công ty Đ.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng H3 (Công ty D) khởi kiện được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng H3 (Công ty D) đã nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền 4.400.000 đồng và số tiền 4.500.000 đồng chi phí đăng tin trên kênh VOV5 (đã chi phí hết). Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H3 được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu. Công ty Đ phải chịu chi phí tố tụng. Buộc bị đơn Công ty Đ phải nộp lại số tiền 8.900.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng H3.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 153; khoản 1 Điều 157, Điều 228, Điều 469, 474, 475, điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 299, 301, 303, 304, 307, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 335, 336, 339, 340, 342, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; các Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (Người thừa kế quyền và nghĩa vụ Công ty Cổ phần D). Buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán khoản nợ vay cho Công ty Cổ phần D đến hết ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2025, số tiền 1.769.292.166 đồng (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng*). Trong đó: nợ gốc 1.549.612.329 đồng, lãi quá hạn 219.679.837 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2025 cho đến khi thi hành án xong. Công ty TNHH Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H đã ký kết với Công ty TNHH Đ. Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ. Công ty Cổ phần D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 15900/23MB/HĐBĐ ngày 25/8/2023 được ký kết giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T2 với bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 483032 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 18/09/2020, đứng tên ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T2. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty Đ tại Công ty D thì ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay Công ty Đ bằng toàn bộ tài sản của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu 65.078.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H, số tiền 29.664.492 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005275, ngày 18/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty TNHH Đ phải nộp lại số tiền 8.900.000 đồng (trong đó chi phí thẩm định tại chỗ, số tiền 4.400.000 đồng và hai lần đăng tin trên kênh dành cho người nước ngoài VOV5, số tiền 4.500.000 đồng) để trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Dương Viết Hải